TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TH

Bản án số: 675/2018/HSPT
Ngày: 13/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Bảo Vĩnh;
Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;
Ông Đinh Ngọc Huân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Quang Huy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2017/HSPT ngày 23 tháng 01 năm 2017 đối với bị cáo Vũ Quý H1 và đồng phạm phạm các tội: "Giết người" và "Cướp tài sản", do có kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2016/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**** Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo***:

1. Vũ Quý H1, sinh ngày 30/7/1976; Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Vũ Quý P1 (đã chết) và bà Bùi Thị C1, sinh năm 1934; vợ là Đỗ Thị H2, sinh năm 1976 (đã ly hôn) có 01 con sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự số 52/2013/HSST ngày 20/8/2013, Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Bình xử phạt Vũ Quý H1 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2012. Bị cáo đang thi hành án tại Trại giam N, tỉnh Ninh Bình, được trích xuất về Trại giam Công an tỉnh Thái Bình để điều tra. Bị cáo bị tạm giam để điều tra từ ngày 17/01/2014. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Xuân C2, sinh ngày 21/12/1989; Nơi ĐKHKTT: Thôn L1, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa:

5/12; Con ông Đặng Xuân Q1, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị T1, sinh năm 1957; vợ là Vũ Thị Phương T2, sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 17/01/2014; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Quý V, sinh năm 1985; Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Đặng Thị L1, sinh năm 1956; vợ là Bùi Thị H3, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2014. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Quý H1: NBC1 - Văn phòng luật sư Đ, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Xuân C2: NBC2 - Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Quý V: Luật sư Ngô Xuân Phúc - Văn phòng luật sư P, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

Người bị hại: Bà Vũ Thị L2, sinh năm 1938 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:

1. Bà Vũ Thị Q2, sinh năm 1942; Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Vũ Thị H4, sinh năm 1936; Nơi ĐKHKTT: Thôn L2, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình; có mặt.

3. Bà Vũ Thị H5, sinh năm 1940; Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã B, huyện L, tỉnh Đắc Lắc.

Bà Vũ Thị Q2 và bà Vũ Thị H5 đều ủy quyền cho bà Bà Vũ Thị H4 tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm; Bà Hồi có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Theo hồ sơ vụ án và bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Quý H1 sinh năm 1976, trú tại Thôn Q, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình là cháu, gọi bà Vũ Thị L2 là cô ruột. Biết bà L2 sống độc thân, có tiền, có tài sản. Khoảng 16h ngày 07/12/2012, H1 gặp Đặng Xuân C2, sinh năm 1989 và Vũ Quý V, sinh năm 1985 đều là người cùng xã, quen biết và chơi với nhau ở cổng nhà H1. H1 rủ C2, V tối ngày 09/12/2012 cùng sang nhà bà Vũ Thị L2 để trộm cắp tài sản, C2, V đồng ý. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/12/2012 C2 đi xe máy biển kiểm soát 17F6-8837 đến ngõ nhà V đứng đợi một lát thì H1, V đến. C2 để xe máy ở ngõ nhà V và cùng H1, V đi bộ về phía

nhà bà L2. Khi đi đến gần ngõ nhà H1, H1 nói:*"Hai chúng mày đi thẳng lối kia trèo tường vào, anh đi ngõ nhà anh để vào"*. H1 vào trong ngõ nhà mình khép cổng lại và nói "Tao khép cổng lại không mẹ tao sợ đi chơi gọi thì lộ đấy".

Đặng Xuân C2 và Vũ Quý V đi đến chỗ tường xây bao cổng nhà bà L2 thì C2 trèo tường vào trước, V trèo vào sau. Vào trong vườn, C2 và V ngồi chỗ gốc cây vải, H1 đi từ vườn nhà H1 sang nhà bà L2 và có cầm cục gỗ to bằng hòn gạch mang theo với mục đích để kê cạy cửa. Khi sang nhà bà L2, H1 bám hai tay vào chiếu nghỉ cầu thang để đu người lên nhưng không được. H1 đi đến chỗ cửa chính ngồi xuống để cạy cửa lúc này C2 đi đến cùng H1 mở cửa còn V đi ra chỗ vườn (chỗ cây chanh) để C2 giới. H1 và C2 mở cửa làm chiếc móc cửa hình chữ S bằng sắt được cài bên trong rơi xuống nền nhà đá hoa phát ra tiếng kêu "keng". Nghe thấy tiếng động bà L2 hỏi "Đứa nào đấy", lập tức H1 và C2 mở cửa đi nhanh vào trong nhà còn V ở ngoài đi đến khép cửa để tránh bị phát hiện.

Bà L2 ngồi trên giường, hai chân đặt dưới nền nhà, C2 lao đến đẩy bà L2 ngã ra giường làm bà L2 nằm đè lên màn, dây màn bị đứt đồng thời C2 dùng hai tay ôm giữ chân. Bà L2 kêu lên "chúng mày giết tao à", H1 nhảy lên giường quỳ đè trên người bà L2 và dùng cục gỗ đánh vào đầu, mặt bà L2. V đứng ở cửa nghe thấy tiếng động ở trong nhà bà L2 liền mở cửa đi vào bật đèn điện ở phòng khách, ánh sáng hắt vào phòng ngủ, V nhìn thấy H1 cùng với C2 đang quỳ đè, ôm giữ khống chế bà L2, H1 cầm cục gỗ to như viên gạch đập nhiều nhát vào đầu, vào người bà L2. Sự việc đang diễn ra, C2 gọi "V ơi vào giữ chân, bà này khoẻ lắm", V vào nhưng không dám giữ, V thấy bà L2 giãy dụa nhưng không kêu, không thoát ra được sau đó thấy bà L2 không giãy nữa. C2 bỏ tay ra, H1 bỏ cục gỗ xuống giường rồi cả ba cùng lục tìm tài sản trong nhà bà L2. C2 đi ra phòng khách lục tìm tài sản ở tủ ly; V lục tìm ở túi chiếc quần dài treo trên tường ngăn giữa phòng khách và phòng ngủ lấy được 01 chiếc điện thoại di động Nokia cùng 7.000đ cho vào túi quần. V tiếp tục đi đến lật chiếu đầu giường nơi bà L2 đang nằm thấy con dao dài khoảng 20cm, lưỡi rộng 9,5cm, cán gỗ. V mang dao ra đưa cho C2 để C2 cạy tủ ly. C2 dùng phần mũi của lưỡi dao cạy cánh tủ, lục tìm được 01 chiếc túi (kiểu túi rút) bên trong có tài sản, V dùng tay đẩy ngăn kính tủ ly thấy trong ngăn kính có 01 hộp đựng huy chương, nghĩ là vàng nên V lấy phần ngôi sao của huy chương bỏ túi quần; H1 lục tìm trên giường lấy được 01 chiếc khuyên tai rơi trên chiếu, lục tìm trong phòng ngủ lấy được 3.000.000đ và 01 chiếc túi trong có tài sản. Lấy được tài sản, C2 nói "H1 ơi, có hàng rồi", H1 và C2 mở cửa đi ra đứng ở gốc cây vải, V ra sau tắt điện đóng cửa lại để tránh bị phát hiện.

Tại gốc cây vải trong vườn nhà bà L2, C2 và V định chia tài sản lấy được nhưng H1 bảo đi ra ngoài đường hãy chia. C2, V trèo tường theo lối cũ ra đường liên thôn, H1 đi theo lối vườn nhà bà L2 về vườn nhà mình và ra

gặp C2, V. C2 đi đến ngõ nhà V lấy xe máy ra chở H1 và V đến khu vực bụi chuối phía sau Công ty Trường Phong để chia tài sản. C2 và H1 đổ tài sản ở trong túi đã lấy được, C2 dùng đèn điện thoại bật lên soi thấy tiền có nhiều mệnh giá được buộc thành từng tập và có một ít đồ trang sức là kim loại màu vàng, C2 nói "Anh H1 lấy vàng và một ít tiền nhé", H1 bảo thế nào cũng được và lấy 02 nhẫn tròn, 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng còn tiền C2 và V chia nhau. Chia tài sản xong, C2 lại dùng xe máy của mình chở H1, V về gần ngã tư ông Thoi thì dừng xe để V, H1 xuống đi bộ về nhà còn C2 đi đến thôn T Đệ, xã T1, huyện V chơi. Trên đường đi C2 dừng xe bỏ tiền ra đếm được 16.020.000 đồng. Sáng ngày 10/10/2012 C2 đến nhà anh Nguyễn Bá Hiền, trú tại thôn T, xã T1, huyện V (C2 là người quen của gia đình anh Hiền) để tắm, giặt.

Đối với Vũ Quý V, sau khi về nhà đến khoảng hơn 3giờ sáng ngày 10/12/2012 V cầm điện thoại lấy được của bà L2 mở danh bạ xem và nhắn tin vào 02 số máy có trong danh bạ điện thoại. V nhắn đến số điện thoại của chị Trần Thị L3, sinh năm 1976, trú tại thị trấn S, tỉnh Tuyên Quang nội dung *"Chi ơi em la Huyen con ba Phu day chi ve ngay co Lien chet roi"* (ký tự không có dấu) và số điện thoại của chị Lương Thị N, sinh năm 1970 trú tại thôn V, xã T2, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nội dung *"Bà L2 chết rồi"* sau đó tắt nguồn điện thoại. Trưa ngày 10/12/2012 V tháo sim điện thoại di động lấy được của bà L2 ra vứt tại đường liên thôn gần cổng đình làng của Thôn Q, xã Đ1, huyện Đ. Phần ngôi sao của Huân chương lấy được V đem lên thị trấn Đ bán, trên đường đi đến gần cầu Đ thuộc địa phận xã Đ2, huyện Đ, V dừng xe lấy ngôi sao mài xuống đường kiểm tra thấy không phải là vàng nên vứt đi. Khoảng 03 đến 04 ngày sau V đem chiếc điện thoại Nokia lấy được của bà L2 bán cho anh Bùi Quang T3, sinh năm 1985, trú tại xã Đ3, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (là chủ cửa hàng mua bán điện thoại) được 180.000 đồng. V khai số tiền được chia là 2.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này V đã chi tiêu hết.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thái Bình định giá chiếc điện thoại của bà L2 trị giá 150.000 đồng.

Đối với Vũ Quý H1, sau khi ở nhà bà L2 về, H1 thay quần áo cho vào chậu nước, kiểm tra số tiền, vàng lấy được gồm 01 dây chuyền, 02 chiếc nhẫn tròn, 01 chiếc khuyên tai (đều là kim loại màu vàng) và số tiền khoảng 3.000.000 đồng. Khoảng 06h sáng hôm sau, H1 cuộn tiền cho vào túi nilon rồi giấu trong lỗ của viên gạch thông tâm tại bức tường cửa ra vào gian bếp đang xây nhưng chưa trát vữa của gia đình. Sau hơn 01 năm (ngày 17/01/2014) Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thái Bình đã tổ chức truy tìm vật chứng theo chỉ dẫn của Vũ Quý H1 nhưng không thấy.

Tại Bản án hình sự số 43/2016/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2016, Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Quý H1, Đặng Xuân C2, Vũ Quý V phạm tội "Giết người" và tội "Cướp tài sản".

2. Hình phạt:

**** Đối với bị cáo Vũ Quý H1***: Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 93; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 34 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Quý H1 tù chung thân về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Áp dụng Điều 50; Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội Giết người, Cướp tài sản với hình phạt còn lại của Bản án số 52/2013/HSST ngày 20/8/2013 của TAND huyện Đ là 04 năm 09 tháng 15 ngày tù. Buộc bị cáo Vũ Quý H1 phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2012.

**** Đối với bị cáo Đặng Xuân C2***: Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Xuân C2 16 (Mười sáu) năm tù về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội Giết người và Cướp tài sản buộc bị cáo Đặng Xuân C2 phải chấp hành hình phạt chung là 21 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2014.

*** Đối với bị cáo Vũ Quý V**: Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Quý V 13 (Mười ba) năm tù về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V 03 (Ba) năm tù về tội "Cướp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội Giết người và Cướp tài sản, buộc bị cáo Vũ Quý V phải chấp hành hình phạt chung là l6 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2014.

3. **Trách nhiệm dân sự**: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 604, 605, 610 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, buộc các bị cáo Vũ Quý H1, Đặng Xuân C2, Vũ Quý V phải liên đới bồi thường gia đình người bị hại (người đại diện trực tiếp nhận tiền bồi thường là chị Bùi Thị P2, sinh năm 1976 trú tại thôn Lê Lợi 2, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh

Thái Bình) tổng số tiền là 107.047.000 đồng. Trách nhiệm cụ thể của từng bị cáo như sau:

Bị cáo Vũ Quý H1 phải bồi thường 42.174.000 đồng;

Bị cáo Đặng Xuân C2 phải bồi thường 46.020.000 đồng. Gia đình bị cáo đã nộp vào Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình số tiền 40.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền sỗ 000223 ngày 23/10/2014 và biên lai số 0008780 ngày 01/12/2016). Bị cáo Đặng Xuân C2 còn phải bồi thường 6.020.000 đ (Sáu triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

Bị cáo Vũ Quý V phải bồi thường 18.853.000 đ (Mười tám triệu tám trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Bản án sơ thẩm còn buộc Vũ Quý V và anh Bùi Quang T3 phải bồi thường ông Lê Sỹ D và quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

- Ngày 13/12/2016 bị cáo Vũ Quý H1 có Đơn kháng cáo kêu oan; ngày 16/12/2016 người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Vũ Thị Q2, Vũ Thị H4, Vũ Thị H5 có Đơn kháng cáo đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo Vũ Quý H1 vô tội, yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Đặng Xuân C2, Vũ Quý V.

* Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm:

- Ngày 21/12/2017 gia đình ông Đặng Xuân Q1 bố bị cáo Đặng Xuân C2 nộp 7.000.000 đồng để bồi thường thay cho bị cáo C2 (BL 0008569 ngày 21/12/2017) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình; ngày 12/01/2017 gia đình bị cáo C2 nộp 500.000 đồng (BL 0008793) và nộp bản sao Huy chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến công hạng nhất, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba của ông Đặng Xuân Q1 (bố bị cáo C2) và Đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, đề nghị Tòa án xem xét khoan hồng cho bị cáo Đặng Xuân C2.

- Ngày 21/12/2017 bà Đặng Thị L1 (mẹ bị cáo Vũ Quý V) nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình 10.000.000 đồng để bồi thường thay cho bị cáo V (BL 0008571).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị H4, đại diện hợp pháp của người bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Đặng Xuân C2 và bị cáo Vũ Quý H1, xem xét hành vi của Vũ Quý H1 theo đúng quy định của pháp luật, trường hợp nếu bị cáo H1 có tội thì xin giảm hình phạt cho bị cáo H1;

Bị cáo Vũ Quý H1 vẫn kháng cáo kêu oan, bị cáo cho rằng mình có chứng cứ ngoại phạm là trong thời gian xảy ra vụ án ở nhà bà L2 thì bị cáo ở nhà ăn cơm tối và ngồi uống nước cùng với anh Vũ Quý K, bán Heroin cho anh Vũ Văn L3, sau đó bị cáo dọn dẹp nhà rồi đi ngủ, bị cáo không tham gia

cùng C2, V giết bà L2 rồi cướp tài sản. Việc Đặng Xuân C2, Vũ Quý V khai bị cáo cùng tham gia giết người, cướp của là sự vu khống, oan cho bị cáo. Tuy nhiên Vũ Quý H1 xác nhận H1 có quan hệ bạn bè với C2, V và không có mâu thuẫn, thù oán gì với C2, V.

Các bị cáo Đặng Xuân C2 và Vũ Quý V một lần nữa khai nhận hành vi phạm tội của mình và đều khẳng định trong vụ án này Vũ Quý H1 là người gợi ý, rủ rê C2, V và thống nhất tối 09/12/2012 thì đột nhập vào nhà bà L2 để trộm cắp tài sản. Do bà L2 chưa ngủ và có ý định chống lại nên các bị cáo đã tấn công gây cái chết cho bà L2 rồi lục soát lấy tiền, vàng của bà L2. Các bị cáo là người cùng làng, xã chơi với nhau và không có mâu thuẫn, thù oán gì với Vũ Quý H1.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ; lời khai của các bị cáo về việc rủ nhau phạm tội, việc tham gia của V có tham gia giữ tay chân bà L2 không, số tiền, vàng các bị cáo chiếm đoạt được cũng như việc các bị cáo phân chia tiền, vàng chiếm đoạt được còn mâu thuẫn mà chưa được Cơ quan điều tra làm rõ nên chưa đủ căn cứ vững chắc để xét xử Vũ Quý H1 về tội giết người và tội cướp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2016/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình, giao hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra tỉnh Thái Bình điều tra lại vụ án và quyết định theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Quý H1 đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đồng thời cho rằng Cơ quan điều tra vi phạm tố tụng là bức cung, nhục hình buộc bị cáo H1 phải nhận tội; khi bắt giữ bị cáo Cơ quan điều tra còn thu giữ nhiều đồ vật cá nhân của bị cáo và tổ chức nhiều buổi lấy lời khai của Vũ Quý H1 để điều tra về việc giết bà L2, chiếm đoạt tài sản không được đưa vào hồ sơ vụ án. Do đó, luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm tuyên bị cáo H1 không phạm tội "Giết người, cướp tài sản" hoặc tuyên hủy án sơ thẩm đề điều tra xét xử lại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Xuân C2 không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của đại diện người bị hại vì bị cáo bổ sung thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ ở cấp phúc thẩm, đã bồi thường toàn bộ theo quyết định của bản án sơ thẩm, bố bị cáo có nhiều Huân, Huy chương, hoàn C2 gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị khoan hồng cho bị cáo. Bởi vậy, luật sư đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Quý V đề nghị xem xét hành vi giết người vì bị cáo V không tham gia giết bà L2, trước khi xét xử phúc thẩm gia đình bị cáo đã nộp 10 triệu đồng để bồi thường gia đình bị hại, luật sư đồng tình quan điểm Viện kiểm sát đề nghị hủy án để điều tra lại vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đặng Xuân C2, Vũ Quý V một lần nữa khai nhận hành vi phạm tội của mình và cả 2 đều khẳng định: Khoảng hơn 16 giờ ngày 07/12/2012 C2, V đi qua ngõ nhà H1, được H1 gọi vào nói chuyện, trong lúc nói chuyện thì H1 gợi ý trộm cắp tài sản nhà bà Vũ Thị L2 và cả ba đã thống nhất tối 09/12/2012 sẽ hành động. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/12/2012 Đặng Xuân C2 đi xe máy đến cổng nhà Vũ Quý V, một lúc sau thì Vũ Quý H1 đến, Vũ Quý V từ trong nhà đi ra gặp H1 và C2. Các bị cáo để xe máy ở cổng nhà V rồi cùng đi bộ đến nhà bà L2. Tới nơi, C2, V trèo tường vào nhà bà L2 còn H1 đi về nhà mình, đóng cổng rồi đi qua vườn sang nhà bà L2.

Vũ Quý V được phân công ở ngoài làm nhiệm vụ C2 giới, còn Đặng Xuân C2 và Vũ Quý H1 mở khóa cửa để vào nhà bà L2, do chốt cửa rơi xuống nền nhà gây tiếng "Keng" thì bà L2 phát hiện đã quát lên "Đứa nào đấy? Chúng mày làm gì đấy?" thì C2, H1 cùng xông vào, (lúc đó bà L2 đang ngồi ở giường hai chân để dưới sàn nhà) C2 tóm hai chân nâng đẩy làm bà L2 ngã nằm ngửa ra giường, H1 xông vào quỳ đè người, khống chế không cho bà L2 chống cự. Bà L2 kêu lên "Chúng mày làm gì, giết tao à?" thì H1 dùng tay phải cầm cục gỗ đập nhiều nhát vào đầu, vào mặt bà L2. Khi thấy tiếng đập "bộp, bộp" trong nhà và nghe C2 gọi V vào hỗ trợ thì V từ ngoài chạy vào bật công tắc điện ở gian nhà ngoài thì thấy H1, C2 đang khống chế bà L2. H1 đập liên tiếp vào đầu, vào mặt bà L2, bà L2 giãy dụa một lúc thì nằm im bất động. Tiếp đó Vũ Quý H1, Vũ Quý V và Đặng Xuân C2 cùng tiến hành lục soát đồ đạc trong nhà bà L2 để lấy tài sản. C2 lục soát ở phòng khách, H1 lục soát ở trong buồng, phòng ngủ lấy được khoảng ba triệu đồng để trong chiếc nồi dưới gầm giường và một chiếc bông tai bằng vàng mà bà L2 đeo tai; V lục túi quần của bà L2 treo trên tường lấy được một điện thoại di động Nokia và 7.000 đồng rồi lật chiếu đầu giường bà L2 thấy một con dao để đầu giường, V đem dao ra đưa C2 để cậy tủ. C2 cậy cửa tủ ly lấy được túi tiền, C2 giơ lên khoe với H1 "Có hàng đây rồi". V cũng lấy hộp đựng huy chương của bà L2.

Sau khi lấy được tài sản cả 3 (H1, C2, V) lại theo lối cũ ra ngoài. C2 dùng xe máy chở H1, V đến khu vực gần công ty Trường Phong để phân chia tiền, vàng lấy được.

Lời khai của các bị cáo Đặng Xuân C2, Vũ Quý V cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo Vũ Quý H1, phù hợp với Biên bản khám nghiệm tử thi bà Vũ Thị L2 và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ

sơ. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Vũ Quý H1, Đặng Xuân C2, Vũ Quý V đã gây ra vụ án giết bà Vũ Thị L2 rồi cướp tài sản xảy ra hồi 21 giờ 30 phút ngày 09/12/2012 tại nhà bà L2 ở Thôn Q, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Bởi vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử Vũ Quý H1, Đặng Xuân C2 và Vũ Quý V về tội "Giết người" theo điểm g khoản 1 Điều 93 (giết người để thực hiện tội phạm khác) và tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa cho rằng ngay sau khi xảy ra vụ án ở nhà bà L2, Cơ quan điều tra đã tạm giữ để làm việc với bị cáo H1, đã thu giữ một số tài sản, tư trang của bị cáo, đã lấy lời khai của H1 về cái chết của bà L2 có liên quan đến chứng minh tội phạm nhưng không đưa vào hồ sơ vụ án và còn nhiều mâu thuẫn trong lời khai của các bị cáo về việc ai là người khởi xướng, ai là người rủ rê, ai là người mở khóa cửa để vào nhà bà L2 và cùng một thời điểm một Điều tra viên lấy cung của 2 bị can C2 và V từ đó Viện kiểm sát đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tại Báo cáo của Điều tra viên Đỗ Quý Anh, Đội trưởng Đội C2 sát điều tra về trật tự xã hội Công an huyện Đ: "*Khoảng 07 giờ ngày 10/12/2012, nhận được tin của Công an xã Đ1… phát hiện bà Vũ Thị L2, sinh năm 1938 bị chết tại nhà chưa rõ nguyên nhân… tôi được lãnh đạo chỉ huy giao nhiệm vụ triệu tập và đưa đối tượng Vũ Quý H1 về Công an huyện để làm việc. Tôi đã trực tiếp dùng xe máy chở H1 về Công an huyện làm việc từ lúc 07 giờ 30 phút cùng ngày, đến khoảng 18 giờ cùng ngày đã bàn giao đối tượng H1 cho Phòng PC 45 Công an tỉnh đưa H1 về phòng để làm việc. Từ khi triệu tập H1 đến khi bàn giao cho Phòng PC 45 tôi cũng như Tổ công tác của Công an huyện Đ không quản lý, thu giữ của đối tượng H1 đồ vật, tài sản gì*" (BL 777).

Báo cáo của Điều tra viên Đoàn Đức Trọng, Phó đội trưởng - Phòng PC45 Công an tỉnh Thái Bình, khẳng định: "*Sáng ngày 10/12/2012, Công an huyện Đ mời anh H1 về làm việc, sau đó chuyển đến Phòng PC45 điều tra về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Quá trình bàn giao Vũ Quý H1 cho Phòng PC45 tôi là người tiếp nhận - Công an huyện Đ, Thái Bình không bàn giao đồ vật tài sản gì của anh Vũ Quý H1*" (BL778).

Còn về ý kiến cho rằng trong cùng một thời điểm, một Điều tra viên lấy lời khai của hai bị can đã bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy án để Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình khắc phục, mặt khác trong hồ sơ còn nhiều bản cung, tường trình của các bị cáo là chứng cứ để xét xử vụ án.

Với chứng cứ là lời khẳng định của bị cáo Đặng Xuân C2 và bị cáo Vũ Quý V trong suốt quá trình điều tra và tại các phiên tòa sơ và phúc thẩm cũng

phù hợp các chứng cứ khác trong hồ sơ của vụ án trong đó có chính lời khai của bị cáo Vũ Quý H1 thì đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Vũ Quý H1 phạm tội "Giết người", "Cướp tài sản" như cấp sơ thẩm truy tố, xét xử là hoàn toàn đúng pháp luật và không oan. Không cần thiết phải hủy án để điều tra lại như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa hôm nay.

Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Vũ Quý H1 cũng như kháng cáo của đại diện người bị hại đề nghị tuyên bố bị cáo Vũ Quý H1 vô tội. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

1. Vũ Quý H1 và luật sư bào chữa cho Vũ Quý H1 cho rằng bị cáo có chứng cứ ngoại phạm là thời điểm bà L2 bị giết và cướp tài sản thì bị cáo H1 ở nhà mình uống nước nói chuyện với anh Vũ Quý K và bán Hêrôin cho anh Vũ Văn L3. Tuy nhiên anh Vũ Văn L3 khai anh có đến ngõ nhà H1, gọi H1 ra để mua 01 gói Hêrôin lúc khoảng 20 giờ 40 phút (BL 227, 228); anh Khải khẳng định anh ăn cơm tối, uống nước ở nhà Vũ Quý H1, khoảng 20 giờ 30 phút đến 21 giờ thì anh về nhà (BL 137, 138, 218). Như vậy, Vũ Quý H1 ăn tối, uống nước ở nhà mình với anh K và bán Hêrôin cho anh L3 trong khoảng thời gian trước khi xảy ra vụ án nên không có cơ sở để chấp nhận lời khai của bị cáo Vũ Quý H1 và ý kiến luật sư bào chữa cho bị cáo H1 cho rằng H1 có chứng cứ ngoại phạm.

2. Về chứng cứ: Thời gian điều tra ban đầu từ ngày 16/01/2014 đến 28/02/2014, bị cáo Vũ Quý H1 khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo Đặng Xuân C2, Vũ Quý V. Song từ ngày 28/02/2014 thì bị cáo thay đổi lời khai, chối tội và cho rằng bị các Điều tra viên đánh đập, bức cung phải nhận tội. Tuy nhiên trong số các Điều tra viên tiến hành hỏi cung, H1 thừa nhận Điều tra viên Đặng Viết Nghị không đánh đập, không ép cung bị cáo, bị cáo rất nể và kính trọng Điều tra viên này. Thì tại các BL 190, 194, 198 Vũ Quý H1 khai nhận toàn bộ nội dung sự việc từ việc H1 gợi ý, rủ rê Vũ Quý V, Đặng Xuân C2 đến nhà bà L2 để trộm cắp từ ngày 07/9/2012 tại ngõ nhà H1; việc ba bị cáo thống nhất tối muộn ngày 09/12/2012 thì tiến hành gây án, việc hẹn gặp nhau ở ngõ nhà V, đặc biệt các lời khai của H1 về việc khi mở cửa vào nhà bà L2, chốt cử sắt rơi xuống nền nhà gây tiếng "keng", việc C2 buồn nôn khi bị máu bà L2 bắn vào mặt, bị cáo bảo C2 đừng nôn ra nhà… thì chỉ những người tham gia trong cuộc mới tường tận những tình tiết chi tiết này, Điều tra viên không thể biết để mớm cung hay bắt bị cáo phải khai nhận như vậy được; đặc biệt tại BL198 khi kết thúc bản tự khai ngày 16/01/2014 trong buổi làm việc với Điều tra viên Đặng Viết Nghị, Vũ Quý H1 viết: "*Mẹ ơi… con chẳng biết nói thế nào với mẹ và mọi người. Con về Công an tỉnh Thái Bình rồi. Con đã trót cùng thằng V Định gây ra vụ nhà bà L2. Trước con để tiền và vàng ở cạnh cửa bếp. Mẹ cố giúp con để các anh Công an về thu hồi mẹ nhé. Con xin lỗi mẹ, bố xin lỗi con Trường, em xin lỗi*

các anh chị. Mẹ và các anh chị cố gắng xem thế nào giúp con…! Con bất hiếu".

Kiểm tra lời khai nhận tội của Vũ Quý H1 với lời khai của Đặng Xuân C2, Vũ Quý V cơ bản phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định Vũ Quý H1, Đặng Xuân C2 và Vũ Quý V là những tội phạm gây ra vụ án giết người, cướp tài sản đối với người bị hại là bà Vũ Thị L2. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Giết người" và cướp tài sản theo điểm g khoản 1 Điều 93 (giết người để thực hiện hành vi tội phạm khác) và khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ. Bởi vậy, kháng cáo kêu oan của bị cáo Vũ Quý H1 cũng như luận cứ luật sư bào chữa cho bị cáo H1 tại phiên tòa là không có cơ sở.

Xét kháng cáo của đại diện người bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Đặng Xuân C2 và Vũ Quý V. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đây là vụ án giết người và cướp tài sản đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo có sự bàn bạc thống nhất từ trước, tuy không bàn trước về việc giết người nhưng khi hành vi trộm cắp bị bại lộ thì các bị cáo rất manh động, tấn công người bị hại rất quyết liệt làm người bị hại tử vong sau đó lục soát đồ đạc trong nhà để lấy tài sản.

Hành vi phạm tội của các bị cáo tước đoạt trái phép tính mạng và chiếm đoạt tài sản của bà Vũ Thị L2, gây đau thương mất mát không gì có thể bù đắp được, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội và xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân. Do đó cần xét xử nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người lương thiện và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì bị cáo Vũ Quý H1 là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo Vũ Quý V, Đặng Xuân C2 cùng phạm tội, H1 cũng là người thực hành tội phạm rất quyết liệt và trực tiếp gây ra cái chết của bà L2 nên H1 phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Đối với bị cáo Đặng Xuân C2 cũng thực hiện tích cực, Vũ Quý V đồng phạm hỗ trợ tinh thần và giúp sức cho H1, C2 phạm tội. Tuy nhiên bị cáo Đặng Xuân C2, Vũ Quý H1 đã thành khẩn nhận tội, tác động gia đình bồi thường đại diện người bị hại và đặc biệt hai bị cáo dám đối mặt với sự thật không sợ bị trả thù, quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa đều khẳng định bị cáo Vũ Quý H1 là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo phạm tội và đều khẳng định Vũ Quý H1 bị xét xử trong vụ án này là không oan. Đó là những cơ sở vững chắc để quy kết hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Quý H1 đúng với quy định của pháp luật. Do có những tình tiết giảm nhẹ đặc biệt đó mà mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Đặng Xuân C2 (16 năm + 5 năm = 21 năm); Vũ Quý H1 (13 năm + 3 năm = 16 năm) là phù hợp, thể hiện đúng nguyên tắc nghiêm trị kết hợp với khoan hồng đối với người phạm tội thật thà khai báo, ăn năn hối cải khai ra hành vi phạm tội của mình và của người phạm tội khác. Bởi vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của đại diện người bị hại đối với hai bị cáo Đặng Xuân C2 và Vũ Quý V, đồng

thời cũng không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo Vũ Quý H1 như đề nghị của đại diện người bị hại tại phiên tòa hôm nay.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Từ nhận định trên; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Vũ Quý H1; không chấp nhận kháng cáo của đại diện người bị hại yêu cầu tuyên bố bị cáo Vũ Quý H1 vô tội và yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Đặng Xuân C2 và bị cáo Vũ Quý V. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự số 43/2016/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Quý H1, Đặng Xuân C2, Vũ Quý V phạm tội "Giết người" và tội "Cướp tài sản".

2. Hình phạt:

**** Đối với bị cáo Vũ Quý H1***: Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 93; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 34 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Quý H1 tù chung thân về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Cướp tài sản ".

Áp dụng Điều 50; Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Vũ Quý H1 phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân. Tổng hợp với hình phạt còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2013/HSST ngày 20/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ là 04 năm 09 tháng 15 ngày tù, buộc bị cáo Vũ Quý H1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là tù ***chung thân***. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2012.

**** Đối với bị cáo Đặng Xuân C2***: Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Xuân C2 16 (Mười sáu) năm tù về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo ***Đặng Xuân C2*** phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 21 (Hai mươi mốt) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2014.

**** Đối với bị cáo Vũ Quý V***: Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Quý V 13 (Mười ba) năm tù về tội "Giết người".

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Quý V 03 (Ba) năm tù về tội "Cướp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo ***Vũ Quý V*** phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là l6 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2014.

Án phí: Bị cáo Vũ Quý H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Đặng Xuân C2, Vũ Quý V và đại diện hợp pháp của người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Công an tỉnh Thái Bình;*
- *Cục T.H.A DS tỉnh Thái Bình;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;*
- *Các bị cáo (qua trại);*
- *Các đại diện bị hại (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, PHC-TP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Bảo Vĩnh